

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 84/2018/HNGĐ-ST
Ngày 28-11-2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con, cấp
dưỡng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Thông.
2. Ông Hồ Quốc Trị.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tạo là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 222/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1984 (có đơn xin vắng).

Bị đơn: Anh Võ Minh Nh, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Hai đương sự cùng cư trú tại địa chỉ: Ấp NK, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 9 năm 2018 và các chứng cứ khác có trong hồ sơ thể hiện, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th trình bày yêu cầu:

- Về hôn nhân: Chị Th, anh Nh tìm hiểu và đi đến hôn nhân vào năm 1999, đến nay chưa lập thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình chung sống không hợp nhau, do bất đồng quan điểm nên hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên cãi nhau nên dẫn đến mất hạnh phúc gia đình, từ năm 2009 anh chị sống ly thân cho đến nay. Thời gian sống

ly thân anh, chị cũng không khắc phục được mâu thuẫn. Nếu duy trì hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc nên chị Th yêu cầu ly hôn với anh Nh.

- Về nuôi con chung: Có 02 người con chung tên Võ Thị D, sinh ngày 18/12/1999 (nữ) và Võ Hoàng N, sinh ngày 16/6/2009 (nam), hiện tại đang sống với chị Th. Khi ly hôn cháu D đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét, đối với cháu Hoàng N thì chị Th yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc.

Về cấp dưỡng: Yêu cầu anh Nh cấp dưỡng nuôi cháu Hoàng N đến khi tròn đủ 18 tuổi, mức cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với anh Võ Minh Nh:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, đã hết thời hạn theo quy định pháp luật mà anh Nh không có văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu xin ly hôn của chị Th. Đồng thời, Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ 02 lần thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh Nh không tham gia.

Tại phiên tòa:

- Các đương sự vắng mặt nên không có ý kiến khác.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn phát biểu quan điểm:*

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên không có kiến nghị.

Về nội dung vụ án, xét thấy việc chung sống của chị Th, anh Nh không đăng ký kết hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận chị Th, anh Nh là vợ chồng; về con chung chấp nhận yêu cầu của chị Th, giao cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc cháu N, anh Nh cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật; đối với cháu D đã trưởng thành chị Th không đặt ra yêu cầu nên không xem xét; chị Th thuộc trường hợp miễn nộp án phí Hôn nhân sơ thẩm nên có nộp được trả lại, anh Nh chịu án phí cấp dưỡng định kỳ theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, yêu cầu của đương sự phù hợp với khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự nên được chấp nhận.

Bị đơn anh Võ Minh Nh đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn là có căn cứ.

Chị Th thuộc hộ nghèo, theo quy định tại Điều 7 Luật trợ giúp pháp lý thì chị được trợ giúp pháp lý miễn phí, nhưng chị Th từ chối trợ giúp pháp lý nên

được chấp nhận.

Về nội dung:

[1]. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Th và anh Võ Minh Nh chung sống với nhau từ năm 1999, đến nay chưa đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Quá trình chung sống với nhau anh chị thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, hôn nhân không hạnh phúc, anh chị sống ly thân từ năm 2009 đến nay. Quá trình sống ly thân cũng không giải quyết được mâu thuẫn nên chị Th yêu cầu ly hôn. Anh Nh vắng mặt nên không có ý kiến. Xét thấy, chị Th và anh Nh chung sống với nhau không đăng ký kết hôn đã vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân của chị Th và anh Nh không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2]. Về con chung: Chị Th xác định có 02 người con chung tên Võ Thị D, sinh ngày 18/12/1999 (nữ) và Võ Hoàng N, sinh ngày 16/6/2009 (nam), hiện tại đang sống chung với chị Th. Cháu D đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án xem xét, chị Th yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc cháu N. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình thì con từ đủ 07 tuổi trở lên phải xem xét nguyện vọng của con, Tòa án đã làm việc trực tiếp với cháu N, cháu có nguyện vọng sống chung với mẹ nên Hội đồng xét xử tôn trọng nguyện vọng của cháu, giao cháu Võ Hoàng N, sinh ngày 16/6/2009 (nam) cho chị Th tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng.

Anh Nh không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không có ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Th yêu cầu anh Nh cấp dưỡng nuôi cháu N theo quy định pháp luật, do anh Nh vắng mặt nên không có ý kiến. Tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *Cha mẹ không trực tiếp nuôi con thì có nghĩa vụ cấp dưỡng*, do đó buộc anh Nh cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định của pháp luật.

Mức cấp dưỡng, chị Th không chứng minh được khả năng kinh tế của anh Nh nên yêu cầu cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Theo quy định của pháp luật thì mức cấp dưỡng không thấp hơn 1/2 mức lương cơ sở (lương cơ sở 1.390.000 đồng/tháng), do đó buộc anh Nh cấp dưỡng nuôi con 700.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm đến khi cháu N tròn đủ 18 tuổi. Anh Nh chậm cấp dưỡng phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[3]. Về chia tài sản chung và công nợ

Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự “*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó*”, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

[4]. Về án phí

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch 300.000 đồng

người khởi kiện yêu cầu ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án có chấp nhận hay không chấp nhận cho ly hôn đều phải chịu án phí. Do chị Th thuộc đối tượng hộ nghèo và có đơn xin miễn nộp được quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, chị Th thuộc trường hợp miễn nộp án phí, chị Th có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng được nhận lại.

Án phí cấp dưỡng định kỳ không giá ngạch 300.000 đồng anh Nh phải chịu.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Ý kiến của Kiểm sát viên là có căn cứ được chấp nhận toàn bộ

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Th và anh Võ Minh Nh.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Th tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Võ Hoàng N, sinh ngày 16/6/2009 (nam).

Anh Nh không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không có ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Nh cấp dưỡng nuôi cháu N một tháng 700.000 đồng, cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm đến khi cháu N tròn đủ 18 tuổi.

Anh Nh chậm cấp dưỡng còn phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm cấp dưỡng, lãi suất tính theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về tài sản và công nợ: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí:

- Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Th không phải chịu. Ngày 11 tháng 9 năm 2018 chị Th có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0016113 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn được nhận lại toàn bộ.

- Án phí cấp dưỡng định kỳ 300.000 đồng anh Nh phải chịu.

“Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật

thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.

Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Ngọc Đính